

Số: 1264 /TTr-UBND

Quới Điền, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Quới Điền xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-STC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao chi tiết số điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 1077/STC-QLNS ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn công tác kế toán và quyết toán năm 2025;

Căn cứ Công văn số 3204/STC-QLNS ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025 (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025.

II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục:

Bố cục nghị quyết gồm 02 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025.

- Điều 2. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản:

“Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025, cụ thể như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Quới Điền năm 2025: 166.631.074.065 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 167.941.028.682 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), trong đó:

1.1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 57.673.116.283 đồng, gồm có:

- | | |
|--|----------------------|
| - Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: | 5.810.000 đồng. |
| - Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: | 51.525.394.557 đồng. |
| - Thu thuế thu nhập cá nhân: | 1.059.244.526 đồng. |
| - Thu lệ phí trước bạ: | 1.808.692.698 đồng. |
| - Thu các loại phí, lệ phí: | 336.237.250 đồng. |
| - Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: | 203.735 đồng. |

- Thu tiền sử dụng đất: 2.358.060.789 đồng.
- Thu khác ngân sách: 579.472.728 đồng.

1.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 105.806.217.259 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 107.116.171.876 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), gồm có:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 78.077.571.940 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 79.370.526.557 đồng, giảm 1.292.954.617 đồng).

- Thu bổ sung có mục tiêu: 27.728.645.319 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 27.745.645.319 đồng, giảm 17.000.000 đồng).

1.3. Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách: 333.735.835 đồng.

1.4. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

1.5. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

1.6. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

2. Tổng thu ngân sách xã Quới Điền năm 2025: 161.704.042.378 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 163.013.996.995 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), trong đó:

2.1. Thu cân đối ngân sách xã hưởng theo phân cấp: 53.079.820.431 đồng, gồm có:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 51.525.394.557 đồng.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 618.887.745 đồng.

- Thu lệ phí trước bạ: 304.816.349 đồng.

- Thu các loại phí, lệ phí: 260.693.250 đồng.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 203.735 đồng.

- Thu khác ngân sách: 369.824.795 đồng.

1.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 105.806.217.259 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 107.116.171.876 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), gồm có:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 78.077.571.940 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 79.370.526.557 đồng, giảm 1.292.954.617 đồng).

- Thu bổ sung có mục tiêu: 27.728.645.319 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 27.745.645.319 đồng, giảm 17.000.000 đồng).

2.3. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

2.4. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

2.5. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025: 157.678.512.273 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 158.013.996.995 đồng, giảm 335.484.722 đồng), trong đó:

1. Chi từ nguồn cân đối ngân sách địa phương: 102.821.464.681 đồng, gồm có:

1.1. Chi đầu tư phát triển: 356.064.232 đồng.

1.2. Chi thường xuyên: 102.465.400.449 đồng.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG): 143.094.640 đồng, gồm có:

2.1. Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 102.620.000 đồng.

2.2. Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững: 40.474.640 đồng.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 54.380.217.117 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 54.715.701.839 đồng, giảm 335.484.722 đồng), gồm có:

3.1. Chi chuyển nguồn kinh phí đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công: 100.000.000 đồng.

3.2. Chi chuyển nguồn kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán: 116.000.000 đồng.

3.3. Chi chuyển nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội: 35.103.390.649 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 35.082.139.049 đồng, tăng 21.251.600 đồng).

3.4. Chi chuyển nguồn kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước: 2.844.663.785 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 3.124.663.785 đồng, giảm 280.000.000 đồng).

3.5. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản dự toán được Ủy ban nhân dân cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc: 4.037.030.400 đồng.

3.6. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm sau: 11.458.446.760 đồng.

3.7. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản chuyển nguồn khác theo quy định pháp luật: 720.685.523 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 797.421.845 đồng, giảm 76.736.322 đồng).

4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 333.735.835 đồng, gồm có:

4.1. Chi nộp trả kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025, thực hiện theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 318.793.835 đồng.

4.2. Chi nộp trả kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): 14.942.000 đồng.

III. KẾT DƯ NGÂN SÁCH

Kết dư ngân sách xã năm 2025 chuyển vào thu ngân sách xã Quới Điền năm 2026: 4.025.530.105 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 5.000.000.000 đồng, giảm 974.469.895 đồng).

(Số liệu chi tiết tại biểu mẫu số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 đính kèm)

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết)

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025. Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Quới Điền xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- BTT UBMTTQVN xã;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân xã;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Văn phòng: Đảng ủy xã; HĐND và UBND xã;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, P.KT, Phong.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mai Hoàng Nhựt

Số: /NQ-HĐND

Quới Điền, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn
và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ HAI
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-STC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao chi tiết số điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 1264/TTr-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn

điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025, cụ thể như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Quới Điền năm 2025: 166.631.074.065 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 167.941.028.682 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), trong đó:

1.1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 57.673.116.283 đồng, gồm có:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 5.810.000 đồng.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 51.525.394.557 đồng.
- Thu thuế thu nhập cá nhân: 1.059.244.526 đồng.
- Thu lệ phí trước bạ: 1.808.692.698 đồng.
- Thu các loại phí, lệ phí: 336.237.250 đồng.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 203.735 đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 2.358.060.789 đồng.
- Thu khác ngân sách: 579.472.728 đồng.

1.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 105.806.217.259 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 107.116.171.876 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), gồm có:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 78.077.571.940 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 79.370.526.557 đồng, giảm 1.292.954.617 đồng).
- Thu bổ sung có mục tiêu: 27.728.645.319 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 27.745.645.319 đồng, giảm 17.000.000 đồng).

1.3. Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách: 333.735.835 đồng.

1.4. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

1.5. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

1.6. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

2. Tổng thu ngân sách xã Quới Điền năm 2025: 161.704.042.378 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 163.013.996.995 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), trong đó:

2.1. Thu cân đối ngân sách xã hưởng theo phân cấp: 53.079.820.431 đồng,

gồm có:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 51.525.394.557 đồng.
- Thu thuế thu nhập cá nhân: 618.887.745 đồng.
- Thu lệ phí trước bạ: 304.816.349 đồng.
- Thu các loại phí, lệ phí: 260.693.250 đồng.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 203.735 đồng.
- Thu khác ngân sách: 369.824.795 đồng.

1.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 105.806.217.259 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 107.116.171.876 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), gồm có:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 78.077.571.940 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 79.370.526.557 đồng, giảm 1.292.954.617 đồng).

- Thu bổ sung có mục tiêu: 27.728.645.319 đồng, (số quyết toán đã phê chuẩn là 27.745.645.319 đồng, giảm 17.000.000 đồng).

2.3. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

2.4. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

2.5. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025: 157.678.512.273 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 158.013.996.995 đồng, giảm 335.484.722 đồng), trong đó:

1. Chi từ nguồn cân đối ngân sách địa phương: 102.821.464.681 đồng, gồm có:

1.1. Chi đầu tư phát triển: 356.064.232 đồng.

1.2. Chi thường xuyên: 102.465.400.449 đồng.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG): 143.094.640 đồng, gồm có:

2.1. Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 102.620.000 đồng.

2.2. Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững: 40.474.640 đồng.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 54.380.217.117 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 54.715.701.839 đồng, giảm 335.484.722 đồng), gồm có:

3.1. Chi chuyển nguồn kinh phí đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công: 100.000.000 đồng.

3.2. Chi chuyển nguồn kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc

đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán: 116.000.000 đồng.

3.3. Chi chuyển nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội: 35.103.390.649 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 35.082.139.049 đồng, tăng 21.251.600 đồng).

3.4. Chi chuyển nguồn kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước: 2.844.663.785 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 3.124.663.785 đồng, giảm 280.000.000 đồng).

3.5. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản dự toán được Ủy ban nhân dân cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc: 4.037.030.400 đồng.

3.6. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm sau: 11.458.446.760 đồng.

3.7. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản chuyển nguồn khác theo quy định pháp luật: 720.685.523 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 797.421.845 đồng, giảm 76.736.322 đồng).

4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 333.735.835 đồng, gồm có:

4.1. Chi nộp trả kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025, thực hiện theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 318.793.835 đồng.

4.2. Chi nộp trả kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): 14.942.000 đồng.

III. KẾT DƯ NGÂN SÁCH

Kết dư ngân sách xã năm 2025 chuyển vào thu ngân sách xã Quới Điền năm 2026: 4.025.530.105 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn là 5.000.000.000 đồng, giảm 974.469.895 đồng).

(Số liệu chi tiết tại biểu mẫu số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 đính kèm)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân xã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều chỉnh quyết toán, công khai quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Quới Điền khóa XIII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng Giao dịch số 26 - KBNN khu vực XIX;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Văn phòng: Đảng ủy xã, HĐND và UBND xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Cẩm

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	161.704.042.378	82.727.042.378	205%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.046.000.000	53.079.820.431	50.033.820.431	1743%
1	Thu NSDP hưởng 100%	1.376.000.000	935.538.129	-440.461.871	68%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.670.000.000	52.144.282.302	50.474.282.302	3122%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	75.931.000.000	105.806.217.259	29.875.217.259	139%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75.825.000.000	78.077.571.940	2.252.571.940	103%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	106.000.000	27.728.645.319	27.622.645.319	26159%
III	Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện để lại quản lý qua NSNN		115.230.000	115.230.000	
IV	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		2.597.811.854	2.597.811.854	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		104.962.834	104.962.834	
VI	Thu hồi các khoản chi ngân sách năm trước				
B	TỔNG CHI NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	157.678.512.273	78.701.512.273	200%
I	Tổng chi cân đối NSDP	78.871.000.000	102.821.464.681	23.950.464.681	130%
1	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
2	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
3	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
1	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
2	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
III	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		54.380.217.117	54.380.217.117	
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		333.735.835	333.735.835	
C	KẾT DƯ NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)		4.025.530.105	4.025.530.105	

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-I	4=2/I
<u>NGÂN SÁCH XÃ</u>					
I	<u>NGUỒN THU NGÂN SÁCH</u>	<u>78.977.000.000</u>	<u>161.704.042.378</u>	<u>82.727.042.378</u>	<u>205%</u>
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.046.000.000	53.079.820.431	50.033.820.431	1743%
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.376.000.000	935.538.129	-440.461.871	68%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.670.000.000	52.144.282.302	50.474.282.302	3122%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	75.931.000.000	105.806.217.259	29.875.217.259	139%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75.825.000.000	78.077.571.940	2.252.571.940	103%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	106.000.000	27.728.645.319	27.622.645.319	26159%
3	Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện để lại quản lý qua NSNN		115.230.000	115.230.000	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		2.597.811.854	2.597.811.854	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		104.962.834	104.962.834	
6	Thu hồi các khoản chi ngân sách năm trước				
II	<u>CHI NGÂN SÁCH</u>	<u>78.977.000.000</u>	<u>157.678.512.273</u>	<u>78.701.512.273</u>	<u>200%</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	78.871.000.000	102.821.464.681	23.950.464.681	130%
-	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
-	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
-	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
-	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
2	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
-	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
-	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		54.380.217.117	54.380.217.117	
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		333.735.835	333.735.835	
III	<u>KẾT DƯ NGÂN SÁCH</u>		<u>4.025.530.105</u>	<u>4.025.530.105</u>	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	I	2	3=2/I
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	157.678.512.273	200%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)	78.871.000.000	102.821.464.681	130%
I	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	
1	<i>Chi văn hóa - thông tin</i>		40.400	
2	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>		356.023.832	
II	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	131%
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	56.772.000.000	55.382.995.588	98%
2	<i>Chi sự nghiệp đào tạo</i>	56.000.000	35.512.200	63%
3	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>		513.967.000	
4	<i>Chi sự nghiệp y tế</i>			
5	<i>Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin</i>	95.000.000	28.224.372	30%
6	<i>Chi sự nghiệp phát thanh</i>	23.000.000	31.566.000	137%
7	<i>Chi sự nghiệp thể dục - thể thao</i>	23.000.000	17.666.872	77%
8	<i>Chi sự nghiệp môi trường</i>	139.000.000	93.557.800	67%
9	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	263.000.000	680.181.256	259%
10	<i>Chi sự nghiệp xã hội</i>	210.000.000	9.950.644.636	4738%
11	<i>Chi quản lý hành chính</i>	17.783.000.000	33.516.654.175	188%
-	Khối Nhà nước	11.565.000.000	24.611.439.910	213%
-	Khối Đảng	1.881.000.000	4.305.027.275	229%
-	Khối Đoàn thể	4.337.000.000	4.600.186.990	106%
12	<i>Chi quốc phòng, an ninh</i>	2.861.000.000	2.214.430.550	77%
-	Quốc phòng	1.529.000.000	1.338.357.641	88%
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.332.000.000	876.072.909	66%
13	<i>Chi khác</i>	231.000.000		
III	Dự phòng ngân sách	415.000.000		
IV	Chi tạo nguồn CCTL			
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (VỐN SỰ NGHIỆP)	106.000.000	143.094.640	135%
I	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	97%
II	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU		54.380.217.117	
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		333.735.835	

* Ghi chú: Dự toán của từng cơ quan, đơn vị sau khi được điều chỉnh (bổ sung) từ dự phòng ngân sách và chi khác ngân sách, những nội dung chi tương ứng đã được tổng hợp vào kinh phí của từng cơ quan, đơn vị cụ thể (số liệu quyết toán qua Kho bạc Nhà nước).

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-I	4=2/I
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	157.678.512.273	78.701.512.273	200%
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	78.871.000.000	102.821.464.681	23.950.464.681	130%
I	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
1	Chi văn hóa - thông tin		40.400	40.400	
2	Chi các hoạt động kinh tế		356.023.832	356.023.832	
II	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
	Trong đó:				
1	Chi sự nghiệp giáo dục	56.772.000.000	55.382.995.588	-1.389.004.412	98%
2	Chi sự nghiệp đào tạo	56.000.000	35.512.200	-20.487.800	63%
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		513.967.000	513.967.000	
4	Chi sự nghiệp y tế				
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	95.000.000	28.224.372	-66.775.628	30%
6	Chi sự nghiệp phát thanh	23.000.000	31.566.000	8.566.000	137%
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	23.000.000	17.666.872	-5.333.128	77%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.000.000	93.557.800	-45.442.200	67%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	263.000.000	680.181.256	417.181.256	259%
10	Chi sự nghiệp xã hội	210.000.000	9.950.644.636	9.740.644.636	4738%
11	Chi quản lý hành chính	17.783.000.000	33.516.654.175	15.733.654.175	188%
-	Khối Nhà nước	11.565.000.000	24.611.439.910	13.046.439.910	213%
-	Khối Đảng	1.881.000.000	4.305.027.275	2.424.027.275	229%
-	Khối Đoàn thể	4.337.000.000	4.600.186.990	263.186.990	106%
12	Chi quốc phòng, an ninh	2.861.000.000	2.214.430.550	-646.569.450	77%
-	Quốc phòng	1.529.000.000	1.338.357.641	-190.642.359	88%
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.332.000.000	876.072.909	-455.927.091	66%
13	Chi khác	231.000.000		-231.000.000	
III	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
IV	Chi tạo nguồn CCTL				
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (VỐN SỰ NGHIỆP)	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
1	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
2	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU		54.380.217.117	54.380.217.117	
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		333.735.835	333.735.835	

* Ghi chú: Dự toán của từng cơ quan, đơn vị sau khi được điều chỉnh (bổ sung) từ dự phòng ngân sách và chi khác ngân sách, những nội dung chi tương ứng đã được tổng hợp vào kinh phí của từng cơ quan, đơn vị cụ thể (số liệu quyết toán qua Kho bạc Nhà nước).

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	78.977.000.000		78.977.000.000	157.678.512.273		157.678.512.273	200%		200%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	78.871.000.000		78.871.000.000	102.821.464.681		102.821.464.681	130%		130%
I	Chi đầu tư phát triển				356.064.232		356.064.232			
I	<i>Chi văn hóa - thông tin</i>				40.400		40.400			
2	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>				356.023.832		356.023.832			
II	Chi thường xuyên	78.456.000.000		78.456.000.000	102.465.400.449		102.465.400.449	131%		131%
	<i>Trong đó:</i>									
1	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	56.772.000.000		56.772.000.000	55.382.995.588		55.382.995.588	98%		98%
2	<i>Chi sự nghiệp đào tạo</i>	56.000.000		56.000.000	35.512.200		35.512.200	63%		63%
3	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>				513.967.000		513.967.000			
4	<i>Chi sự nghiệp y tế</i>									
5	<i>Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin</i>	95.000.000		95.000.000	28.224.372		28.224.372	30%		30%
6	<i>Chi sự nghiệp phát thanh</i>	23.000.000		23.000.000	31.566.000		31.566.000	137%		137%
7	<i>Chi sự nghiệp thể dục - thể thao</i>	23.000.000		23.000.000	17.666.872		17.666.872	77%		77%
8	<i>Chi sự nghiệp môi trường</i>	139.000.000		139.000.000	93.557.800		93.557.800	67%		67%
9	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	263.000.000		263.000.000	680.181.256		680.181.256	259%		259%
10	<i>Chi sự nghiệp xã hội</i>	210.000.000		210.000.000	9.950.644.636		9.950.644.636	4738%		4738%
11	<i>Chi quản lý hành chính</i>	17.783.000.000	-	17.783.000.000	33.516.654.175	-	33.516.654.175	188%		188%
-	Khối Nhà nước	11.565.000.000		11.565.000.000	24.611.439.910		24.611.439.910	213%		213%
-	Khối Đảng	1.881.000.000		1.881.000.000	4.305.027.275		4.305.027.275	229%		229%
-	Khối Đoàn thể	4.337.000.000		4.337.000.000	4.600.186.990		4.600.186.990	106%		106%
12	<i>Chi quốc phòng, an ninh</i>	2.861.000.000	-	2.861.000.000	2.214.430.550	-	2.214.430.550	77%		77%
-	Quốc phòng	1.529.000.000		1.529.000.000	1.338.357.641		1.338.357.641	88%		88%
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.332.000.000		1.332.000.000	876.072.909		876.072.909	66%		66%
13	<i>Chi khác</i>	231.000.000		231.000.000						
III	Dự phòng ngân sách	415.000.000		415.000.000						
IV	Chi tạo nguồn CCTL									
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BS CMT (VỐN SỰ NGHIỆP)	106.000.000		106.000.000	143.094.640		143.094.640	135%		135%
1	<i>Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới</i>	106.000.000		106.000.000	102.620.000		102.620.000	97%		97%
2	<i>Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững</i>				40.474.640		40.474.640			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU				54.380.217.117		54.380.217.117			
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				333.735.835		333.735.835			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỒ CHỨC THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán									Quyết toán									So sánh (%)							
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể CT MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên										
	TỔNG SỐ	78.977.000.000	-	78.456.000.000	415.000.000	106.000.000	-	106.000.000	-	-	157.678.512.273	356.064.232	102.465.400.449	-	143.094.640	-	143.094.640	54.380.217.117	333.735.835	200%	131%	135%	135%				
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	356.064.232	356.064.232	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	UBND xã Quới Điền (số liệu chuyển đổi từ các xã cũ chi đầu ứng các công trình xây dựng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	356.064.232	356.064.232	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	78.561.000.000	-	78.456.000.000	-	106.000.000	-	106.000.000	-	-	102.608.495.089	-	102.465.400.449	-	143.094.640	-	143.094.640	-	-	131%	131%	135%	135%				
1	UBND xã Quới Điền (số liệu chuyển đổi từ các xã cũ chi xóa nhà tạm, nhà dột nát)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840.000.000	-	840.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Văn phòng Đảng ủy xã Quới Điền	1.881.000.000	-	1.881.000.000	-	-	-	-	-	-	3.281.891.985	-	3.281.891.985	-	-	-	-	-	-	174%	174%	-	-	-	-	-	
3	Văn phòng UBND và UBND xã Quới Điền	15.572.000.000	-	15.466.000.000	-	106.000.000	-	106.000.000	-	-	40.746.777.203	-	40.603.683.063	-	143.094.640	-	143.094.640	-	-	262%	263%	135%	135%	-	-	-	
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền	4.337.000.000	-	4.337.000.000	-	-	-	-	-	-	2.356.829.813	-	2.356.829.813	-	-	-	-	-	-	54%	54%	-	-	-	-	-	
5	Trường Mầm non Quới Điền	4.625.000.000	-	4.625.000.000	-	-	-	-	-	-	4.282.644.535	-	4.282.644.535	-	-	-	-	-	-	93%	93%	-	-	-	-	-	
6	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	2.287.000.000	-	2.287.000.000	-	-	-	-	-	-	2.271.109.779	-	2.271.109.779	-	-	-	-	-	-	99%	99%	-	-	-	-	-	
7	Trường Mầm non Mỹ Hưng	3.308.000.000	-	3.308.000.000	-	-	-	-	-	-	3.343.894.326	-	3.343.894.326	-	-	-	-	-	-	101%	101%	-	-	-	-	-	
8	Trường Tiểu học Quới Điền	9.188.000.000	-	9.188.000.000	-	-	-	-	-	-	8.568.043.212	-	8.568.043.212	-	-	-	-	-	-	93%	93%	-	-	-	-	-	
9	Trường Tiểu học Hòa Lợi	10.295.000.000	-	10.295.000.000	-	-	-	-	-	-	9.407.996.081	-	9.407.996.081	-	-	-	-	-	-	91%	91%	-	-	-	-	-	
10	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	7.469.000.000	-	7.469.000.000	-	-	-	-	-	-	7.520.920.479	-	7.520.920.479	-	-	-	-	-	-	101%	101%	-	-	-	-	-	
11	Trường Trung học cơ sở Quới Điền	6.853.000.000	-	6.853.000.000	-	-	-	-	-	-	6.995.831.783	-	6.995.831.783	-	-	-	-	-	-	102%	102%	-	-	-	-	-	
12	Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi	6.698.000.000	-	6.698.000.000	-	-	-	-	-	-	6.592.535.850	-	6.592.535.850	-	-	-	-	-	-	98%	98%	-	-	-	-	-	
13	Trường Trung học cơ sở Mỹ Hưng	6.049.000.000	-	6.049.000.000	-	-	-	-	-	-	6.400.019.543	-	6.400.019.543	-	-	-	-	-	-	106%	106%	-	-	-	-	-	
III	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	415.000.000	-	-	415.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54.380.217.117	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VI	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	333.735.835	-	-	-	-	-	-	-	

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán đầu năm (không bao gồm chi CTMTQG)	Quyết toán (không bao gồm chi CTMTQG)	Chi giáo dục	Chi đào tạo	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế	Chi văn hóa - thông tin	Chi phát thanh	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi bảo đảm xã hội	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	-	356.064.232	-	-	-	-	40.400	-	-	-	356.023.832	-	-	-	-	-	
I	<i>UBND xã Quới Điền (số liệu được chuyển đổi từ các xã cũ chi đối ứng các công trình xây dựng)</i>	-	356.064.232	-	-	-	-	40.400	-	-	-	356.023.832	-	-	-	-	-	
	<i>Trong đó:</i>																	
1	Công trình: Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi		40.400					40.400										
2	Công trình: Đường ĐA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre		180.000.000									180.000.000						
3	Công trình: Đường ĐA.03 (Đường Đầu Giồng), ấp Thạnh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú		176.023.832									176.023.832						

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ qua KBNN (đã bao gồm chi CTMTQG)	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Dự toán còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm (sau sắp xếp ĐVHC)	Dự toán năm trước chuyển sang	Điều chỉnh trong năm (bổ sung, giảm trừ)			Chuyển nguồn sang năm sau	Hủy bỏ
A	B	I=2+3+4	2	3	4	5	6=I-5	7	8
	TỔNG SỐ	110.713.701.402	70.872.144.502	970.838.882	38.870.718.018	102.608.495.089	8.105.206.313	7.277.694.185	827.512.128
1	UBND xã Quới Điền (số liệu chuyển đổi từ các xã cũ chỉ xóa nhà tạm, nhà dột nát)	840.000.000	840.000.000			840.000.000			
2	Văn phòng Đảng ủy xã Quới Điền	3.329.559.799	2.215.259.725		1.114.300.074	3.281.891.985	47.667.814		47.667.814
3	Văn phòng HĐND và UBND xã Quới Điền	45.673.872.500	10.258.808.394		35.415.064.106	40.746.777.703	4.927.094.797	4.366.990.400	560.104.397
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền	2.361.029.640	1.089.983.967		1.271.045.673	2.356.829.813	4.199.827		4.199.827
5	Trường Mầm non Quới Điền	4.911.164.812	4.625.394.200	207.872.937	77.897.675	4.282.644.535	628.520.277	624.319.823	4.200.454
6	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	2.457.531.428	2.275.694.950	123.796.478	58.040.000	2.271.109.779	186.421.649	170.099.165	16.322.484
7	Trường Mầm non Mỹ Hưng	3.385.686.283	3.308.408.000		77.278.283	3.343.894.326	41.791.957	27.903.000	13.888.957
8	Trường Tiểu học Quới Điền	9.284.271.774	9.188.235.000	118.001.516	-21.964.742	8.568.043.212	716.228.562	716.228.552	10
9	Trường Tiểu học Hòa Lợi	10.315.964.851	10.255.142.666	39.757.334	21.064.851	9.407.996.081	907.968.770	884.666.073	23.302.697
10	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	7.658.509.783	7.469.284.000		189.225.783	7.520.920.479	137.589.304	137.567.892	21.412
11	Trường Trung học cơ sở Quới Điền	6.996.477.925	6.852.652.800		143.825.125	6.995.831.783	646.142		646.142
12	Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi	6.856.979.175	6.698.389.800		158.589.375	6.592.535.850	264.443.325	116.000.000	148.443.325
13	Trường Trung học cơ sở Mỹ Hưng	6.642.653.432	5.794.891.000	481.410.617	366.351.815	6.400.019.543	242.633.889	233.919.280	8.714.609

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán								Quyết toán								So sách (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia		
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước																		Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11=12+13</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>20</i>	<i>21</i>	<i>22</i>	<i>23</i>	<i>24</i>
	TỔNG SỐ:	75.931.000.000	75.825.000.000	106.000.000		106.000.000			106.000.000	105.806.217.259	78.077.571.940	27.728.645.319		27.728.645.319			143.094.640	139%	103%	26159%		26159%			135%
1	Xã Quới Điền	75.931.000.000	75.825.000.000	106.000.000		106.000.000			106.000.000	105.806.217.259	78.077.571.940	27.728.645.319		27.728.645.319			143.094.640	139%	103%	26159%		26159%			135%

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó					
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Thu bổ sung cân đối từ NS cấp trên	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	Thu khoản đóng góp tự nguyện	Thu chuyển nguồn năm trước sang	Thu từ kết dư năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
	TỔNG SỐ:	161.704.042.378	53.079.820.431	78.077.571.940	27.728.645.319	115.230.000	2.597.811.854	104.962.834
1	Xã Quới Điền	161.704.042.378	53.079.820.431	78.077.571.940	27.728.645.319	115.230.000	2.597.811.854	104.962.834

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư (đại diện Chủ đầu tư)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến ngày 31/12/2025	Lấy kế vốn đã bỏ trả đến ngày 31/12/2024	Dự toán năm 2025 (đầu năm, điều chỉnh trong năm)	Quyết toán năm 2025	So sánh QT/DT năm 2025 (%)															
						Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt						Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Tổng số (tất các các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn						Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn									
								Ngoài nước							NSTW	NSDP			Ngoài nước	NSTW		NSDP	Ngoài nước	NSTW	NSDP	Ngoài nước	NSTW	NSDP
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z			
	TỔNG CỘNG:																											
I	UBND xã Quới Điền (tổ liên được chuyển đổi từ các xã cũ chỉ đối ứng các công trình xây dựng)																											
1	Công trình: Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Qui Thuận B, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bình Long	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND xã Hòa Lợi (cũ)	Công trình xây dựng dân dụng cấp IV	Năm 2023 - năm 2023	Số 5238/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	100.000.000		100.000.000	91.440.400			91.440.400	91.400.000			91.400.000	456.064.232			456.064.232	356.064.232			356.064.232	78%		78%
2	Công trình: Đường ĐA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND huyện Thạnh Phú (cũ)	Dự án nhóm C, Công trình GTNT, cấp B	Năm 2024 - năm 2026	Số 607/QĐ-SGTVT ngày 06/12/2023	6.000.000.000		6.000.000.000									180.000.000			180.000.000	180.000.000			180.000.000	100%		100%
3	Công trình: Đường ĐA.03 (Đường Đầu Giông), ấp Thanh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND huyện Thạnh Phú (cũ)	Dự án nhóm C, Công trình GTNT, cấp B	Năm 2023 - năm 2025	Số 481/QĐ-SGTVT ngày 28/9/2023	4.400.595.791		4.400.595.791									176.023.832			176.023.832	176.023.832			176.023.832	100%		100%
II	UBND xã Quới Điền (đại diện Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Quới Điền)																											
1	Công trình Đường ĐA.04 ấp Thanh Mỹ, xã Quới Điền (giai đoạn 1)	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND xã Quới Điền (đại diện Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Quới Điền)	Đường giao thông nông thôn, cấp B	Năm 2026 - năm 2027	Số 1331/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.667.620.583		2.667.620.583									50.000.000			50.000.000							
2	Công trình Đường ĐX.03 liên ấp Quý Thuận A - Qui Lợi, xã Quới Điền (giai đoạn 2)	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND xã Quới Điền (đại diện Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Quới Điền)	Đường giao thông nông thôn, cấp B	Năm 2026 - năm 2028	Số 1330/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	5.245.525.870		5.245.525.870									50.000.000			50.000.000							

* Ghi chú: đối với công trình Đường ĐA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và công trình Đường ĐA.03 (Đường Đầu Giông), ấp Thanh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, Ủy ban nhân dân các xã (Hòa Lợi, Mỹ Hưng) phân bổ nguồn vốn ngân sách xã và nhân dân đóng góp để đối ứng thanh toán đầu tư xây dựng công trình (không làm chủ đầu tư công trình).

Số: 1262 /BC-UBND

Quới Điền, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Về việc thuyết minh điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-STC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao chi tiết số điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 1077/STC-QLNS ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn công tác kế toán và quyết toán năm 2025;

Căn cứ Công văn số 3204/STC-QLNS ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025 (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025. (sau đây được gọi tắt là “Nghị quyết số 13”)

Ủy ban nhân dân xã báo cáo thuyết minh điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026, với những nội dung cụ thể như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

1. Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn năm 2025: 166.631.074.065 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 167.941.028.682 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng). Cụ thể như sau:

1.1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 57.673.116.283 đồng, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) do địa phương quản lý: 5.810.000 đồng, trong đó:

. Thu thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước: 2.625.000 đồng.

. Thu thuế thu nhập doanh nghiệp: 3.185.000 đồng.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 51.525.394.557 đồng, trong đó:

. Thu thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước: 51.516.855.593 đồng.

. Thu thuế thu nhập doanh nghiệp: 8.538.964 đồng.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 1.059.244.526 đồng.

- Thu lệ phí trước bạ: 1.808.692.698 đồng.

- Thu các loại phí, lệ phí: 336.237.250 đồng, trong đó:

. Thu phí, lệ phí trung ương: 62.544.000 đồng.

. Thu phí, lệ phí huyện: 68.950.000 đồng.

. Thu phí, lệ phí xã: 204.743.250 đồng.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 203.735 đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: 2.358.060.789 đồng.

- Thu khác ngân sách: 579.472.728 đồng, trong đó:

. Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông, trật tự, an ninh, quốc phòng,...: 317.308.000 đồng.

. Thu phạt vi phạm hành chính do ngành thuế thực hiện: 6.449.400 đồng.

. Thu tịch thu: 25.146.160 đồng.

. Thu tiền cho thuê, thanh lý tài sản khác: 214.218.000 đồng.

. Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: 7.558.110 đồng.

. Thu tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý; các khoản thu khác (bao gồm các khoản thu nợ không phản ánh ở các tiêu mục thu nợ): 8.793.058 đồng.

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 105.806.217.259 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 107.116.171.876 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), cụ thể:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 78.077.571.940 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 79.370.526.557 đồng, giảm 1.292.954.617 đồng).

- Thu bổ sung có mục tiêu: 27.728.645.319 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 27.745.645.319 đồng, giảm 17.000.000 đồng).

1.3. Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách: 333.735.835 đồng.

1.4. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

1.5. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

1.6. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

2. Tổng thu ngân sách xã năm 2025: 161.704.042.378 / 78.977.000.000 đồng, đạt 205% so với dự toán được giao (sau sắp xếp) (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 163.013.996.995 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng).

2.1. Nếu như loại trừ các khoản:

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 105.806.217.259 đồng.

- Thu các khoản đóng góp tự nguyện (nhân dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn; đóng góp xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao ấp): 115.230.000 đồng.

- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

Thì tổng các khoản thu cân đối ngân sách (xã hưởng) theo dự toán tình giao trên địa bàn đạt 53.079.820.431 / 3.046.000.000 đồng, đạt 1.743% so với

dự toán được giao. Nhìn chung, các khoản thu đạt dự toán tính giao, tuy nhiên cũng có một số khoản thu không đạt so với chỉ tiêu dự toán được giao. Cụ thể như sau:

- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%: 935.538.129 / 1.376.000.000 đồng, đạt 68% so với dự toán được giao, cụ thể:

- . Thu lệ phí trước bạ: 304.816.349 đồng.
- . Thu các loại phí, lệ phí: 260.693.250 đồng.
- . Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 203.735 đồng.
- . Thu khác ngân sách: 369.824.795 đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % xã hưởng: 52.144.282.302 / 1.670.000.000 đồng, đạt 3.122% so với dự toán được giao, cụ thể:

. Thu thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước: 51.516.855.593 đồng.

- . Thu thuế thu nhập cá nhân: 618.887.745 đồng.
- . Thu thuế thu nhập doanh nghiệp: 8.538.964 đồng.

2.2. Các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên: 105.806.217.259 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 107.116.171.876 đồng, giảm 1.309.954.617 đồng), cụ thể:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 78.077.571.940 đồng (số quyết toán đã phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 79.370.526.557 đồng, giảm 1.292.954.617 đồng).

- Thu bổ sung có mục tiêu: 27.728.645.319 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 27.745.645.319 đồng, giảm 17.000.000 đồng).

2.3. Các khoản thu đóng góp tự nguyện (nhân dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn và đóng góp xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao ấp): 115.230.000 đồng.

2.4. Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân xã Quới Điền (cũ): 494.482.707 đồng, trong đó:

. Nguồn nhân dân đóng góp đối ứng xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn: 187.596.663 đồng.

. Nguồn thu bán đấu giá tài sản, được chuyển nguồn ngân sách năm 2024 chuyển sang năm 2025 chưa sử dụng hết {nguồn kinh phí này được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú (cũ) phê duyệt chủ trương và cấp kinh phí từ nguồn thu bán đấu giá tài sản là Quyền sử dụng đất thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28, xã

Quới Điền, theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 16/6/2023, để cấp cho Ủy ban nhân dân xã Quới Điền (cũ): 254.414.881 đồng¹.

. Nguồn cải cách tiền lương: 8.533.163 đồng.

. Nguồn tiết kiệm chi ngân sách xã năm 2024 tạo nguồn kinh phí thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn: 43.938.000 đồng.

- Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi (cũ): 250.190.454 đồng, trong đó:

. Nguồn nhân dân đóng góp trong năm 2024 đối ứng xây dựng công trình Đường ĐA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre: 159.000.000 đồng.

. Nguồn tiết kiệm chi ngân sách xã năm 2024 tạo nguồn kinh phí thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn: 54.135.000 đồng.

. Nguồn tiết kiệm chi ngân sách xã năm 2024 {phương án trả nợ đầu tư xây dựng cơ bản công trình Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi và công trình Xây dựng mới nhà văn hóa ấp Quí Bình và ấp Quí An xã Hòa Lợi (ưu tiên thanh toán dứt điểm nợ đối ứng công trình Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi do Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư, để tất toán tài khoản qua Kho bạc Nhà nước)}: 37.055.454 đồng.

- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng (cũ): 882.299.811 đồng, trong đó:

. Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm trước được phép chuyển sang năm nay theo quy định (nhân dân đóng góp): 839.292.811 đồng.

. Nguồn tiết kiệm chi ngân sách xã năm 2024 tạo nguồn kinh phí thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn: 43.007.000 đồng.

- Các trường học trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Quới Điền (nguồn kinh phí được giao của đơn vị sự nghiệp công lập): 970.838.882 đồng.

2.5. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng. Trong đó, đã bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú phân bổ cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng (cũ), Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng (cũ) để kết dư ngân sách năm 2024 và đã chi nộp trả ngân sách cấp trên trong năm 2025 là 14.942.000 đồng.

2.6. Thu hồi các khoản chi ngân sách năm trước: Không có.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách xã năm 2025: 157.678.512.273 / 78.977.000.000 đồng, đạt 200% so với dự toán được giao (sau sắp xếp) (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 158.013.996.995 đồng, giảm 335.484.722 đồng). Cụ thể như sau:

¹ UBND huyện Thạnh Phú (cũ) phê duyệt chủ trương và cấp kinh phí từ nguồn thu bán đấu giá tài sản là Quyền sử dụng đất thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28, xã Quới Điền, theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 16/6/2023, để cấp kinh phí cho UBND xã Quới Điền (cũ), số tiền: 963.180.000 đồng. UBND xã Quới Điền (cũ) đã sử dụng 708.765.119 đồng, còn lại 254.414.881 đồng chưa sử dụng.

1. Chi đầu tư phát triển: 356.064.232 đồng. Cụ thể:

1.1. Đối ứng xây dựng công trình Đường ĐA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre: 180.000.000 đồng.

1.2. Đối ứng xây dựng công trình Đường ĐA.03 (Đường Đầu Giồng), ấp Thạnh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú: 176.023.832 đồng.

1.3. Đối ứng xây dựng công trình Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi: 40.400 đồng.

2. Chi thường xuyên: 102.465.400.449 / 78.456.000.000 đồng, đạt 131% so với dự toán được giao. Cụ thể:

2.1. Chi sự nghiệp giáo dục: 55.382.995.588 đồng, đạt 98% so với dự toán được giao. Trong năm, chi giáo dục có phát sinh một số nhiệm vụ chi ngoài dự toán được giao đầu năm như: **(1)** Chi hỗ trợ chi phí học tập; **(2)** Chi hỗ trợ ăn trưa; **(3)** Chi hỗ trợ phổ cập mầm non;...

2.2. Chi sự nghiệp đào tạo: 35.512.200 đồng, đạt 63% so với dự toán được giao.

2.3. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 513.967.000 đồng.

2.4. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: 28.224.372 đồng, đạt 30% so với dự toán được giao.

2.5. Chi sự nghiệp phát thanh: 31.566.000 đồng, đạt 137% so với dự toán được giao.

2.6. Chi sự nghiệp thể dục - thể thao: 17.666.872 đồng, đạt 77% so với dự toán được giao.

2.7. Chi sự nghiệp môi trường: 93.557.800 đồng, đạt 67% so với dự toán được giao.

2.8. Chi sự nghiệp kinh tế: 680.181.256 đồng, đạt 259% so với dự toán được giao. Trong năm, chi kinh tế thực hiện cao hơn so với dự toán được giao đầu năm là do phát sinh một số nhiệm vụ chi ngoài dự toán như: Sửa chữa Đường ĐX.01, xã Mỹ Hưng là 478.825.000 đồng.

2.9. Chi sự nghiệp xã hội: 9.950.644.636 đồng, đạt 4.738% so với dự toán được giao. Trong năm, chi bảo đảm xã hội thực hiện cao hơn so với dự toán được giao đầu năm là do phát sinh một số nhiệm vụ chi ngoài dự toán như: **(1)** Chi hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát thuộc đối tượng người có công với Cách mạng; **(2)** Chi thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã Quới Điền; **(3)** Chi thực hiện tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; **(4)** Chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn xã Quới Điền; **(5)** Chi tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ.

2.10. Chi quản lý hành chính, chi khác: 33.516.654.175 đồng, đạt 186% so với dự toán được giao, trong đó:

- Chi khối Nhà nước: 24.611.439.910 đồng.
- Chi khối Đảng: 4.305.027.275 đồng.
- Chi cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: 4.600.186.990 đồng.

Trong năm, chi quản lý hành chính thực hiện cao hơn so với dự toán được giao đầu năm là do phát sinh một số nhiệm vụ chi ngoài dự toán như: **(1)** Chi hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán Ất Tỵ (cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã,...); **(2)** Chi giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách xã, ấp và Công an xã bán chuyên trách, Ấp đội trưởng, Công an viên phụ trách ấp nghỉ việc; **(3)** Chi chênh lệch quỹ lương, các khoản phụ cấp và các khoản trích nộp theo lương, phụ cấp sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; **(4)** Chi nhiệm vụ tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 19/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; **(5)** Chi tổ chức Đại hội Đảng bộ xã Quới Điền, nhiệm kỳ 2025 - 2030; **(6)** Chi thực hiện chính sách nghỉ hưu, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ; **(7)** Chi thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; **(8)** Chi tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, nhiệm kỳ 2025 - 2030; **(9)** Chi hỗ trợ cho lao động về làm việc tại các hợp tác xã; **(10)** Chi chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức thực hiện theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; **(11)** Chi hỗ trợ tổ chức Đại hội các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã (cũ); **(12)** Chi công tác phòng chống dịch sốt xuất huyết; **(13)** Chi công tác phòng, chống Dịch tả heo Châu Phi;...

2.11. Chi quốc phòng, an ninh: 2.214.430.550 đồng, đạt 77% so với dự toán được giao, trong đó:

- Chi quốc phòng: 1.338.357.641 đồng. Trong năm, chi quốc phòng có phát sinh một số nhiệm vụ chi ngoài dự toán được giao đầu năm như: Chi thực hiện công tác khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 876.072.909 đồng.

3. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 0 đồng.

4. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 143.094.640 đồng, đạt 135% so với dự toán được giao. Cụ thể:

4.1. Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 (vốn ngân sách Trung ương) - Mã CTMTQG: 10496 - Cụ thể: hỗ

trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, ấp và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao các ấp, ấp: 102.620.000 đồng.

4.2. Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (vốn ngân sách Trung ương) - Dự án 7 (Mã CTMTQG: 10477) - Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá - Cụ thể: kinh phí thực hiện tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã Quới Điền năm 2025: 40.474.640 đồng.

5. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 54.380.217.117 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 54.715.701.839 đồng, giảm 335.484.722 đồng). Cụ thể:

5.1. Chi chuyển nguồn kinh phí đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công: 100.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến triển khai trong năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 {công trình Đường ĐA.04 ấp Thạnh Mỹ, xã Quới Điền (giai đoạn 1)}: 50.000.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến triển khai trong năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 {công trình Đường ĐX.03 liên ấp Quý Thuận A - Quý Lợi, xã Quới Điền (giai đoạn 2)}: 50.000.000 đồng.

5.2. Chi chuyển nguồn kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán: 116.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí mua sắm tài sản, thiết bị của trường Trung học cơ sở Hòa Lợi {Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú (cũ) phê duyệt cấp kinh phí cho trường tại Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 06/6/2025}: 116.000.000 đồng.

5.3. Chi chuyển nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội: 35.103.390.649 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 35.082.139.049 đồng, tăng 21.251.600 đồng), trong đó:

- Kinh phí trích từ 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 được tính vào nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2026: 35.082.138.886 đồng.

- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 (còn dư): 163 đồng.

- Kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu chi thực hiện chính sách an sinh xã hội tháng 12 năm 2025: 21.251.600 đồng.

5.4. Chi chuyển nguồn kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước: 2.844.663.785 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 3.124.663.785 đồng, giảm 280.000.000 đồng), trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp: 60.000.000 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 340.000.000 đồng, giảm 280.000.000 đồng).

- Kinh phí giao tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập: 2.784.663.785 đồng, gồm có:

- . Trường Mầm non Quới Điền: 619.679.823 đồng.
- . Trường Mẫu giáo Hòa Lợi: 170.099.165 đồng.
- . Trường Mầm non Mỹ Hưng: 27.903.000 đồng.
- . Trường Tiểu học Quới Điền: 716.228.552 đồng.
- . Trường Tiểu học Hòa Lợi: 879.266.073 đồng.
- . Trường Tiểu học Mỹ Hưng: 137.567.892 đồng.
- . Trường Trung học cơ sở Mỹ Hưng: 233.919.280 đồng.

5.5. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản dự toán được Ủy ban nhân dân cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán: 4.037.030.400 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi lập quy hoạch chung nông thôn: 2.250.000.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội tháng 12 năm 2025: 1.155.098.400 đồng.

- Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí đối với người học trung cấp, cao đẳng theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ: 621.892.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi theo Công văn số 9071/UBND-TH ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (trường Mầm non Quới Điền): 4.640.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi theo Công văn số 9071/UBND-TH ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (trường Tiểu học Hòa Lợi): 5.400.000 đồng.

5.6. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm sau: 11.458.446.760 đồng, trong đó:

- Tăng bổ sung nguồn dự phòng ngân sách xã thêm 3% (từ 2% lên 5%): 2.952.850.000 đồng. Trong đó: giải quyết chế độ nghỉ việc công chức theo Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ là 450.824.400 đồng; giải quyết chế độ nghỉ việc người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre (cũ) là 86.346.000 đồng.

- Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương các xã cũ còn nợ chưa trích đủ (Quới Điền, Hòa Lợi): 381.504.225 đồng.

- Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng: 6.942.000.000 đồng.

- Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (phân bổ chi tiết khi có phát sinh nhu cầu thực tế trong năm 2026): 1.182.092.535 đồng.

5.7. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản chuyển nguồn khác theo quy định của pháp luật: 720.685.523 đồng (số quyết toán đã được phê chuẩn tại Nghị quyết số 13 là 797.421.845 đồng, giảm 76.736.322 đồng), trong đó:

- Nguồn thu bán đấu giá tài sản, được chuyển nguồn ngân sách năm 2024 chuyển sang năm 2025 chưa sử dụng hết {nguồn kinh phí này được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú (cũ) phê duyệt chủ trương và cấp kinh phí từ nguồn thu bán đấu giá tài sản là Quyền sử dụng đất thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28, xã Quới Điền, theo Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 16/6/2023, để cấp cho Ủy ban nhân dân xã Quới Điền (cũ)}: 254.414.881 đồng.

- Nguồn thu đóng góp tự nguyện (nhân dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn và đóng góp xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao ấp): 466.270.642 đồng, gồm có:

. Ủy ban nhân dân xã Quới Điền (cũ) chưa sử dụng: 187.596.663 đồng.

. Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng (cũ) chưa sử dụng: 278.673.979 đồng.

6. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 333.735.835 đồng. Cụ thể:

6.1. Chi nộp trả kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025, thực hiện theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 318.793.835 đồng.

6.2. Chi nộp trả kinh phí ngân sách nhà nước vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú (cũ) phân bổ cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng (cũ), Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hưng (cũ) để kết dư ngân sách năm 2024 và đã chi nộp trả ngân sách cấp trên trong năm 2025: 14.942.000 đồng.

III. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH

1. **Tổng thu ngân sách xã Quới Điền năm 2025: 161.704.042.378 đồng.**

2. **Tổng chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025: 157.678.512.273 đồng.**

3. **Kết dư ngân sách xã Quới Điền năm 2025: 4.025.530.105 đồng.**

(Số liệu chi tiết theo các biểu mẫu đính kèm)

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi:

Nhìn chung, trong năm 2025, địa phương nhận được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo thường xuyên của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, sự phối hợp hỗ trợ của Thuế cơ sở 12 tỉnh Vĩnh Long và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã nên khoản thu cân đối ngân sách tỉnh giao trên địa bàn đạt 1.743% so với dự toán được giao.

Được sự quan tâm của các cấp có thẩm quyền, nhất là sau thời điểm sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp (địa phương được phân bổ kinh phí nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính để mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị và sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng đối với trụ sở làm việc theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long; kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, hệ thống hạ tầng mạng phục vụ hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công và phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính theo Công văn số 4330/UBND-TH ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long) và sự chủ động khắc phục khó khăn của đơn vị, từ đó đã từng bước bố trí, sắp xếp, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có, bảo đảm cơ bản điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức và người lao động. Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chưa ảnh hưởng lớn đến tiến độ và chất lượng giải quyết công việc.

2. Khó khăn:

Ngoài các khoản thu đạt dự toán tỉnh giao, vẫn còn một số khoản thu chưa đạt chỉ tiêu, nguyên nhân một phần là do ảnh hưởng bởi biến động giá cả thị trường, tình hình sản xuất kinh doanh của người dân gặp nhiều khó khăn,... bên cạnh đó, chỉ tiêu thu khác ngân sách tỉnh giao trên địa bàn xã khá cao, chưa thực sự phù hợp với nguồn lực tại địa phương.

Năm 2025, khoản chi thường xuyên của một số cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các sự nghiệp thực hiện có cao hơn so với dự toán được giao, gây khó khăn trong việc điều hành, cân đối ngân sách, nguyên nhân là do trong năm phát sinh những khoản chi ngoài dự toán đầu năm như: kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã (cũ); kinh phí thực hiện công tác phòng chống dịch sốt xuất huyết; kinh phí thực hiện công tác phòng, chống Dịch tả heo Châu Phi;...

Trong quản lý, điều hành ngân sách, Ủy ban nhân dân xã đã từng lúc cân đối, bố trí nguồn thu ngân sách để đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi mang tính cấp thiết phát sinh ngoài dự toán được giao đầu năm. Tuy nhiên, việc cân đối nguồn kinh phí để chi giải quyết chế độ, chính sách nghỉ việc cho người lao động trong đơn vị sau thời điểm sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp còn gặp khó khăn, ngân sách cấp trên phải bổ sung kinh phí để thực hiện.

Quy định về chế độ, định mức chi phát sinh nhiều điểm mới với định mức chi cao, trong khi đó, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho giai đoạn 2022-2025 (theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh) không tăng, nên từ đó dẫn đến việc khó thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách mới được ban hành, song song với việc khó chấp hành dự toán ngân sách được giao.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân xã tăng cường công tác phối hợp với Thuế cơ sở 12 tỉnh Vĩnh Long và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã, đồng thời phát huy vai trò Hội đồng Tư vấn thuế xã, Ban Chỉ đạo chống thất thu và Tổ Vận động thu nợ thuế xã để thu các khoản thu cân đối ngân sách tỉnh giao trên địa bàn đạt và vượt so với dự toán được giao.

Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Thuế cơ sở 12 tỉnh Vĩnh Long rà soát, đánh giá tác động của việc thực hiện Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 11 tháng 12 năm 2025, đặc biệt là việc nguồn thu thuế giá trị gia tăng đối với *sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào* thì cấp xã không còn được hưởng theo như cơ chế phân cấp trước đây, dẫn đến giảm nguồn thu ngân sách trên địa bàn. Phân tích cụ thể mức độ hụt thu dự kiến, khả năng cân đối ngân sách xã khi thực hiện chính sách mới. Trên cơ sở tình hình thực tế tại địa phương, kiến nghị Sở Tài chính xem xét, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước tỉnh giao trên địa bàn xã đối với các khoản thu dự kiến không đạt so với dự toán, nguyên nhân do yếu tố khách quan, chịu tác động của việc thực hiện Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 11 tháng 12 năm 2025, nhằm bảo đảm phù hợp khả năng thực hiện của địa phương².

Ủy ban nhân dân xã xác định việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác quản lý và điều hành ngân sách. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách tại các đơn vị trực thuộc, bảo đảm đúng quy định, đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu - chi ngân sách; thực hiện công khai, minh bạch tài chính thường xuyên và kịp thời. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong quản lý, sử dụng ngân sách; tăng cường công tác tự kiểm tra nội bộ, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót, vi phạm (nếu có). Thực hiện nghiêm quy định về lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; bảo đảm chỉ tiêu đúng dự toán được giao, hạn chế tối đa phát sinh ngoài kế hoạch. Bên cạnh đó, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tài chính - kế toán; tăng cường phối hợp giữa các bộ phận, đơn vị liên quan trong quản lý ngân sách. Chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm cân đối ngân sách, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

² Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 476/KH-UBND ngày 26/02/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về quản lý, điều hành tài chính - ngân sách xã Quới Điền năm 2026; Báo cáo số 734/BC-UBND ngày 20/3/2026 về tình hình triển khai và kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; kết quả thu, chi ngân sách nhà nước lũy kế đến tháng 3 năm 2026.

Đề nghị các đơn vị dự toán cấp I trực thuộc ngân sách xã bám sát phương án tự chủ tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ định mức chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và dự toán được giao (đã trừ tỷ lệ tiết kiệm). Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí hợp lý, tiết kiệm, **ưu tiên** bố trí kinh phí để chi trả lương, các khoản có tính chất lương và các chế độ, chính sách đối với con người theo đúng quy định của pháp luật. Đây là nhiệm vụ chi bắt buộc nhằm đảm bảo an sinh xã hội, góp phần ổn định đời sống cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị cần tập trung đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán đối với các khoản chi hoạt động đầy đủ hồ sơ, chứng từ và thực hiện đúng dự toán được giao, bảo đảm điều kiện tài chính và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương thông suốt, đạt hiệu quả.

Kiến nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân xã trong việc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo về việc thuyết minh điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025. Ủy ban nhân dân xã báo cáo tại kỳ họp thứ hai, Hội đồng nhân dân xã Quới Điền, khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031 xem xét, phê chuẩn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- BTT UBMTTQVN xã;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân xã;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Văn phòng: Đảng ủy xã; HĐND và UBND xã;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, P.KT, Phong.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mai Hoàng Nhựt

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 1262/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-I	4=2/I
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	161.704.042.378	82.727.042.378	205%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.046.000.000	53.079.820.431	50.033.820.431	1743%
1	Thu NSDP hưởng 100%	1.376.000.000	935.538.129	-440.461.871	68%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.670.000.000	52.144.282.302	50.474.282.302	3122%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	75.931.000.000	105.806.217.259	29.875.217.259	139%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75.825.000.000	78.077.571.940	2.252.571.940	103%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	106.000.000	27.728.645.319	27.622.645.319	26159%
III	Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện để lại quản lý qua NSNN		115.230.000	115.230.000	
IV	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		2.597.811.854	2.597.811.854	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		104.962.834	104.962.834	
VI	Thu hồi các khoản chi ngân sách năm trước				
B	TỔNG CHI NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	157.678.512.273	78.701.512.273	200%
I	Tổng chi cân đối NSDP	78.871.000.000	102.821.464.681	23.950.464.681	130%
1	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
2	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
3	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
1	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
2	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
III	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		54.380.217.117	54.380.217.117	
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		333.735.835	333.735.835	
C	KẾT DƯ NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)		4.025.530.105	4.025.530.105	



QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 1262/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-I	4=2/I
<u>NGÂN SÁCH XÃ</u>					
I	<u>NGUỒN THU NGÂN SÁCH</u>	<u>78.977.000.000</u>	<u>161.704.042.378</u>	<u>82.727.042.378</u>	<u>205%</u>
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.046.000.000	53.079.820.431	50.033.820.431	1743%
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.376.000.000	935.538.129	-440.461.871	68%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.670.000.000	52.144.282.302	50.474.282.302	3122%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	75.931.000.000	105.806.217.259	29.875.217.259	139%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75.825.000.000	78.077.571.940	2.252.571.940	103%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	106.000.000	27.728.645.319	27.622.645.319	26159%
3	Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện để lại quản lý qua NSNN		115.230.000	115.230.000	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		2.597.811.854	2.597.811.854	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		104.962.834	104.962.834	
6	Thu hồi các khoản chi ngân sách năm trước				
II	<u>CHI NGÂN SÁCH</u>	<u>78.977.000.000</u>	<u>157.678.512.273</u>	<u>78.701.512.273</u>	<u>200%</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	78.871.000.000	102.821.464.681	23.950.464.681	130%
-	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
-	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
-	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
-	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
2	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
-	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
-	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		54.380.217.117	54.380.217.117	
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		333.735.835	333.735.835	
III	<u>KẾT DƯ NGÂN SÁCH</u>		<u>4.025.530.105</u>	<u>4.025.530.105</u>	



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 1267/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	I	2	3=2/I
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	157.678.512.273	200%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)	78.871.000.000	102.821.464.681	130%
I	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	
1	Chi văn hóa - thông tin		40.400	
2	Chi các hoạt động kinh tế		356.023.832	
II	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	131%
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi sự nghiệp giáo dục	56.772.000.000	55.382.995.588	98%
2	Chi sự nghiệp đào tạo	56.000.000	35.512.200	63%
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		513.967.000	
4	Chi sự nghiệp y tế			
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	95.000.000	28.224.372	30%
6	Chi sự nghiệp phát thanh	23.000.000	31.566.000	137%
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	23.000.000	17.666.872	77%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.000.000	93.557.800	67%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	263.000.000	680.181.256	259%
10	Chi sự nghiệp xã hội	210.000.000	9.950.644.636	4738%
11	Chi quản lý hành chính	17.783.000.000	33.516.654.175	188%
-	Khối Nhà nước	11.565.000.000	24.611.439.910	213%
-	Khối Đảng	1.881.000.000	4.305.027.275	229%
-	Khối Đoàn thể	4.337.000.000	4.600.186.990	106%
12	Chi quốc phòng, an ninh	2.861.000.000	2.214.430.550	77%
-	Quốc phòng	1.529.000.000	1.338.357.641	88%
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.332.000.000	876.072.909	66%
13	Chi khác	231.000.000		
III	Dự phòng ngân sách	415.000.000		
IV	Chi tạo nguồn CCTL			
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (VỐN SỰ NGHIỆP)	106.000.000	143.094.640	135%
I	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	97%
II	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU		54.380.217.117	
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		333.735.835	

* Ghi chú: Dự toán của từng cơ quan, đơn vị sau khi được điều chỉnh (bổ sung) từ dự phòng ngân sách và chi khác ngân sách, những nội dung chi trong ứng đã được tổng hợp vào kinh phí của từng cơ quan, đơn vị cụ thể (số liệu quyết toán qua Kho bạc Nhà nước).



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 12/L/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)	78.977.000.000	157.678.512.273	78.701.512.273	200%
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	78.871.000.000	102.821.464.681	23.950.464.681	130%
I	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
1	Chi văn hóa - thông tin		40.400	40.400	
2	Chi các hoạt động kinh tế		356.023.832	356.023.832	
II	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
	Trong đó:				
1	Chi sự nghiệp giáo dục	56.772.000.000	55.382.995.588	-1.389.004.412	98%
2	Chi sự nghiệp đào tạo	56.000.000	35.512.200	-20.487.800	63%
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		513.967.000	513.967.000	
4	Chi sự nghiệp y tế				
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	95.000.000	28.224.372	-66.775.628	30%
6	Chi sự nghiệp phát thanh	23.000.000	31.566.000	8.566.000	137%
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	23.000.000	17.666.872	-5.333.128	77%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.000.000	93.557.800	-45.442.200	67%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	263.000.000	680.181.256	417.181.256	259%
10	Chi sự nghiệp xã hội	210.000.000	9.950.644.636	9.740.644.636	4738%
11	Chi quản lý hành chính	17.783.000.000	33.516.654.175	15.733.654.175	188%
-	Khối Nhà nước	11.565.000.000	24.611.439.910	13.046.439.910	213%
-	Khối Đảng	1.881.000.000	4.305.027.275	2.424.027.275	229%
-	Khối Đoàn thể	4.337.000.000	4.600.186.990	263.186.990	106%
12	Chi quốc phòng, an ninh	2.861.000.000	2.214.430.550	-646.569.450	77%
-	Quốc phòng	1.529.000.000	1.338.357.641	-190.642.359	88%
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.332.000.000	876.072.909	-455.927.091	66%
13	Chi khác	231.000.000		-231.000.000	
III	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
IV	Chi tạo nguồn CCTL				
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU (VỐN SỰ NGHIỆP)	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
1	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
2	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU		54.380.217.117	54.380.217.117	
D	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		333.735.835	333.735.835	

* Ghi chú: Dự toán của từng cơ quan, đơn vị sau khi được điều chỉnh (bổ sung) từ dự phòng ngân sách và chi khác ngân sách, những nội dung chi tương ứng đã được tổng hợp vào kinh phí của từng cơ quan, đơn vị cụ thể (số liệu quyết toán qua Kho bạc Nhà nước).



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 116/L/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	78.977.000.000		78.977.000.000	157.678.512.273		157.678.512.273	200%		200%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	78.871.000.000		78.871.000.000	102.821.464.681		102.821.464.681	130%		130%
I	Chi đầu tư phát triển				356.064.232		356.064.232			
1	Chi văn hóa - thông tin				40.400		40.400			
2	Chi các hoạt động kinh tế				356.023.832		356.023.832			
II	Chi thường xuyên	78.456.000.000		78.456.000.000	102.465.400.449		102.465.400.449	131%		131%
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi sự nghiệp giáo dục	56.772.000.000		56.772.000.000	55.382.995.588		55.382.995.588	98%		98%
2	Chi sự nghiệp đào tạo	56.000.000		56.000.000	35.512.200		35.512.200	63%		63%
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				513.967.000		513.967.000			
4	Chi sự nghiệp y tế									
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	95.000.000		95.000.000	28.224.372		28.224.372	30%		30%
6	Chi sự nghiệp phát thanh	23.000.000		23.000.000	31.566.000		31.566.000	137%		137%
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	23.000.000		23.000.000	17.666.872		17.666.872	77%		77%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.000.000		139.000.000	93.557.800		93.557.800	67%		67%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	263.000.000		263.000.000	680.181.256		680.181.256	259%		259%
10	Chi sự nghiệp xã hội	210.000.000		210.000.000	9.950.644.636		9.950.644.636	4738%		4738%
11	Chi quản lý hành chính	17.783.000.000	-	17.783.000.000	33.516.654.175	-	33.516.654.175	188%		188%
-	Khối Nhà nước	11.565.000.000		11.565.000.000	24.611.439.910		24.611.439.910	213%		213%
-	Khối Đảng	1.881.000.000		1.881.000.000	4.305.027.275		4.305.027.275	229%		229%
-	Khối Đoàn thể	4.337.000.000		4.337.000.000	4.600.186.990		4.600.186.990	106%		106%
12	Chi quốc phòng, an ninh	2.861.000.000	-	2.861.000.000	2.214.430.550	-	2.214.430.550	77%		77%
-	Quốc phòng	1.529.000.000		1.529.000.000	1.338.357.641		1.338.357.641	88%		88%
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.332.000.000		1.332.000.000	876.072.909		876.072.909	66%		66%
13	Chi khác	231.000.000		231.000.000						
III	Dự phòng ngân sách	415.000.000		415.000.000						
IV	Chi tạo nguồn CCTL									
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BS CMT (VỐN SỰ NGHIỆP)	106.000.000		106.000.000	143.094.640		143.094.640	135%		135%
1	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000		106.000.000	102.620.000		102.620.000	97%		97%
2	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững				40.474.640		40.474.640			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU				54.380.217.117		54.380.217.117			
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				333.735.835		333.735.835			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 1262/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Dự toán									Quyết toán									So sánh (%)								
	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chỉ thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chỉ dự phòng ngân sách	Chỉ chương trình MTQG			Chỉ chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chỉ nộp trả ngân sách cấp trên	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chỉ thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chỉ dự phòng ngân sách	Chỉ chương trình MTQG			Chỉ chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chỉ nộp trả ngân sách cấp trên	Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển (Không kể CT MTQG)	Chỉ thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chỉ dự phòng ngân sách	Chỉ chương trình MTQG	Chỉ chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chỉ nộp trả ngân sách cấp trên		
					Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Chỉ thường xuyên							Tổng số	Chỉ đầu tư phát triển	Chỉ thường xuyên											
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG SỐ	78.977.900.000	78.456.000.000	415.000.000	106.000.000	-	106.000.000	-	-	157.678.512.273	356.064.232	102.465.400.449	-	143.094.640	-	143.094.640	54.380.217.117	333.735.835	200%	131%	135%	135%					
	I CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	-	-	-	-	-	-	-	-	356.064.232	356.064.232	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	1 UBND xã Quới Điền (số liệu chuyển đổi từ các xã cũ chỉ đối ứng các công trình xây dựng)	-	-	-	-	-	-	-	-	356.064.232	356.064.232	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	II CHI THƯỜNG XUYÊN	78.542.900.000	78.456.000.000	-	106.000.000	-	106.000.000	-	-	102.608.495.089	102.465.400.449	-	-	143.094.640	-	143.094.640	-	-	131%	131%	135%	135%					
	1 UBND xã Quới Điền (số liệu chuyển đổi từ các xã cũ chỉ xóa nhà tạm, nhà dột nát)	-	-	-	-	-	-	-	-	840.000.000	840.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2 Văn phòng Đảng ủy xã Quới Điền	1.881.000.000	1.881.000.000	-	-	-	-	-	-	3.281.891.985	3.281.891.985	-	-	-	-	-	-	-	174%	174%	-	-	-	-	-	-	-
	3 Văn phòng UBND và UBND xã Quới Điền	15.572.000.000	15.466.000.000	-	106.000.000	-	106.000.000	-	-	40.746.777.703	40.603.683.063	-	-	143.094.640	-	143.094.640	-	-	262%	263%	135%	135%					
	4 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền	4.337.000.000	4.337.000.000	-	-	-	-	-	-	2.356.829.813	2.356.829.813	-	-	-	-	-	-	-	54%	54%	-	-	-	-	-	-	-
	5 Trường Mầm non Quới Điền	4.625.000.000	4.625.000.000	-	-	-	-	-	-	4.282.644.535	4.282.644.535	-	-	-	-	-	-	-	93%	93%	-	-	-	-	-	-	-
	6 Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	2.287.000.000	2.287.000.000	-	-	-	-	-	-	2.271.109.779	2.271.109.779	-	-	-	-	-	-	-	99%	99%	-	-	-	-	-	-	-
	7 Trường Mầm non Mỹ Hưng	3.308.000.000	3.308.000.000	-	-	-	-	-	-	3.343.894.326	3.343.894.326	-	-	-	-	-	-	-	101%	101%	-	-	-	-	-	-	-
	8 Trường Tiểu học Quới Điền	9.188.000.000	9.188.000.000	-	-	-	-	-	-	8.568.043.212	8.568.043.212	-	-	-	-	-	-	-	93%	93%	-	-	-	-	-	-	-
	9 Trường Tiểu học Hòa Lợi	10.295.000.000	10.295.000.000	-	-	-	-	-	-	9.407.996.081	9.407.996.081	-	-	-	-	-	-	-	91%	91%	-	-	-	-	-	-	-
	10 Trường Tiểu học Mỹ Hưng	7.469.000.000	7.469.000.000	-	-	-	-	-	-	7.520.920.479	7.520.920.479	-	-	-	-	-	-	-	101%	101%	-	-	-	-	-	-	-
	11 Trường Trung học cơ sở Quới Điền	6.853.000.000	6.853.000.000	-	-	-	-	-	-	6.995.831.783	6.995.831.783	-	-	-	-	-	-	-	102%	102%	-	-	-	-	-	-	-
	12 Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi	6.698.000.000	6.698.000.000	-	-	-	-	-	-	6.592.535.850	6.592.535.850	-	-	-	-	-	-	-	98%	98%	-	-	-	-	-	-	-
	13 Trường Trung học cơ sở Mỹ Hưng	6.049.000.000	6.049.000.000	-	-	-	-	-	-	6.400.019.543	6.400.019.543	-	-	-	-	-	-	-	106%	106%	-	-	-	-	-	-	-
	III CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	415.000.000	-	415.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	IV CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	V CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-	-	-	-	-	-	-	-	54.380.217.117	-	-	-	-	-	-	54.380.217.117	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	VI CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-	-	-	-	-	-	-	333.735.835	-	-	-	-	-	-	-	333.735.835	-	-	-	-	-	-	-	-	-





QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 4/LC/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán đầu năm (không bao gồm chi CTMTQG)	Quyết toán (không bao gồm chi CTMTQG)	Chi giáo dục	Chi đào tạo	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế	Chi văn hóa - thông tin	Chi phát thanh	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi bảo đảm xã hội	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	-	356.064.232	-	-	-	-	40.400	-	-	-	356.023.832	-	-	-	-	-	
I	<i>UBND xã Quới Điền (số liệu được chuyển đổi từ các xã cũ chi đối ứng các công trình xây dựng)</i>	-	356.064.232	-	-	-	-	40.400	-	-	-	356.023.832	-	-	-	-	-	
	<i>Trong đó:</i>																	
1	Công trình: Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Qui Thuận B, xã Hòa Lợi		40.400					40.400										
2	Công trình: Đường ĐA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre		180.000.000									180.000.000						
3	Công trình: Đường ĐA.03 (Đường Đầu Giồng), ấp Thạnh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú		176.023.832									176.023.832						



TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 126/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ qua KBNN (đã bao gồm chi CTMTQG)	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Dự toán còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm (sau sắp xếp ĐVHC)	Dự toán năm trước chuyển sang	Điều chỉnh trong năm (bổ sung, giảm trừ)			Chuyển nguồn sang năm sau	Hủy bỏ
A	B	I=2+3+4	2	3	4	5	6=I-5	7	8
	TỔNG SỐ	110.713.701.402	70.872.144.502	970.838.882	38.870.718.018	102.608.495.089	8.105.206.313	7.277.694.185	827.512.128
1	UBND xã Quới Điền (số liệu chuyển đổi từ các xã cũ chi xóa nhà tạm, nhà dột nát)	840.000.000	840.000.000			840.000.000			
2	Văn phòng Đảng ủy xã Quới Điền	3.329.559.799	2.215.259.725		1.114.300.074	3.281.891.985	47.667.814		47.667.814
3	Văn phòng HĐND và UBND xã Quới Điền	45.673.872.500	10.258.808.394		35.415.064.106	40.746.777.703	4.927.094.797	4.366.990.400	560.104.397
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền	2.361.029.640	1.089.983.967		1.271.045.673	2.356.829.813	4.199.827		4.199.827
5	Trường Mầm non Quới Điền	4.911.164.812	4.625.394.200	207.872.937	77.897.675	4.282.644.535	628.520.277	624.319.823	4.200.454
6	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	2.457.531.428	2.275.694.950	123.796.478	58.040.000	2.271.109.779	186.421.649	170.099.165	16.322.484
7	Trường Mầm non Mỹ Hưng	3.385.686.283	3.308.408.000		77.278.283	3.343.894.326	41.791.957	27.903.000	13.888.957
8	Trường Tiểu học Quới Điền	9.284.271.774	9.188.235.000	118.001.516	-21.964.742	8.568.043.212	716.228.562	716.228.552	10
9	Trường Tiểu học Hòa Lợi	10.315.964.851	10.255.142.666	39.757.334	21.064.851	9.407.996.081	907.968.770	884.666.073	23.302.697
10	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	7.658.509.783	7.469.284.000		189.225.783	7.520.920.479	137.589.304	137.567.892	21.412
11	Trường Trung học cơ sở Quới Điền	6.996.477.925	6.852.652.800		143.825.125	6.995.831.783	646.142		646.142
12	Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi	6.856.979.175	6.698.389.800		158.589.375	6.592.535.850	264.443.325	116.000.000	148.443.325
13	Trường Trung học cơ sở Mỹ Hưng	6.642.653.432	5.794.891.000	481.410.617	366.351.815	6.400.019.543	242.633.889	233.919.280	8.714.609



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 167/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)															
		Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Dự phòng ngân sách	Dự toán chuyển nguồn năm trước sang năm sau	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Dự phòng ngân sách	Chi chuyển nguồn năm sau	Chi nộp trả ngân sách cấp trên												
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số				Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ										
			Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi khác							Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi khác	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi khác																		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
	TỔNG SỐ:	78.977.000.000			78.456.000.000	56.828.000.000		106.000.000			415.000.000		157.678.512.273	356.064.232		102.465.400.449	55.418.507.788	513.967.000		143.094.640				54.380.217.117	333.735.835	200%				131%	98%	135%					
1	Xã Quới Điền	78.977.000.000			78.456.000.000	56.828.000.000		106.000.000			415.000.000		157.678.512.273	356.064.232		102.465.400.449	55.418.507.788	513.967.000		143.094.640				54.380.217.117	333.735.835	200%				131%	98%	135%					

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 176/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

Dự toán										Quyết toán							So sách (%)								
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia		
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước																		Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ:	75.931.000.000	75.825.000.000	106.000.000		106.000.000			106.000.000	105.806.217.259	78.077.571.940	27.728.645.319		27.728.645.319			143.094.640	139%	103%	26159%		26159%			135%
1	Xã Quới Điền	75.931.000.000	75.825.000.000	106.000.000		106.000.000			106.000.000	105.806.217.259	78.077.571.940	27.728.645.319		27.728.645.319			143.094.640	139%	103%	26159%		26159%			135%





QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 126/L/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó					
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Thu bổ sung cân đối từ NS cấp trên	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	Thu khoản đóng góp tự nguyện	Thu chuyển nguồn năm trước sang	Thu từ kết dư năm trước
A	B	I	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ:	161.704.042.378	53.079.820.431	78.077.571.940	27.728.645.319	115.230.000	2.597.811.854	104.962.834
1	Xã Quới Điền	161.704.042.378	53.079.820.431	78.077.571.940	27.728.645.319	115.230.000	2.597.811.854	104.962.834

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỚI ĐIỀN



QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 1262/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư (đại diện Chủ đầu tư)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến ngày 31/12/2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến ngày 31/12/2024	Dự toán năm 2025 (đầu năm, điều chỉnh trong năm)			Quyết toán năm 2025			So sánh QT/DT năm 2025 (%)												
							Tổng mức đầu tư được duyệt					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn								
								Ngoài nước	NSTW					NSDP	Ngoài nước			NSTW	NSDP			Ngoài nước	NSTW		NSDP	Ngoài nước	NSTW	NSDP		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26= 22/18	27= 23/19	28= 24/20	29= 25/21
TỔNG CỘNG:							18.413.742.244			18.413.742.244	91.440.400			91.440.400	91.400.000			91.400.000	456.064.232			456.064.232	356.064.232			356.064.232	78%			78%
I	UBND xã Quới Điền (số liệu được chuyển đổi từ các xã cũ chỉ đối ứng các công trình xây dựng)						10.500.595.791			10.500.595.791	91.440.400			91.440.400	91.400.000			91.400.000	356.064.232			356.064.232	356.064.232			356.064.232	100%			100%
1	Công trình: Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Qui Thuận B, xã Hòa Lợi	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND xã Hòa Lợi (cũ)	Công trình xây dựng dân dụng cấp IV	Năm 2023	Số 5238/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	100.000.000			100.000.000	91.440.400			91.440.400	91.400.000			91.400.000	40.400			40.400	40.400			40.400	100%			100%
2	Công trình: Đường DA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND huyện Thạnh Phú (cũ)	Dự án nhóm C, Công trình GTNT, cấp B	Năm 2024	Số 607/QĐ-SGTVT ngày 06/12/2023	6.000.000.000			6.000.000.000									180.000.000			180.000.000	180.000.000			180.000.000	100%			100%
3	Công trình: Đường DA.03 (Đường Dầu Giồng), ấp Thanh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND huyện Thạnh Phú (cũ)	Dự án nhóm C, Công trình GTNT, cấp B	Năm 2023	Số 481/QĐ-SGTVT ngày 28/9/2023	4.400.595.791			4.400.595.791									176.023.832			176.023.832	176.023.832			176.023.832	100%			100%
II	UBND xã Quới Điền (đại diện Chủ đầu tư: Văn phòng UBND và UBND xã Quới Điền)						7.913.146.453			7.913.146.453									100.000.000			100.000.000								
1	Công trình Đường DA.04 ấp Thanh Mỹ, xã Quới Điền (giai đoạn 1)	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND xã Quới Điền (đại diện Chủ đầu tư: Văn phòng UBND và UBND xã Quới Điền)	Đường giao thông nông thôn, cấp B	Năm 2026	Số 1331/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	2.667.620.583			2.667.620.583									50.000.000			50.000.000								
2	Công trình Đường ĐX.03 liên ấp Quý Thuận A - Qui Lợi, xã Quới Điền (giai đoạn 2)	Xã Quới Điền, tỉnh Vĩnh Long	UBND xã Quới Điền (đại diện Chủ đầu tư: Văn phòng UBND và UBND xã Quới Điền)	Đường giao thông nông thôn, cấp B	Năm 2026	Số 1330/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	5.245.525.870			5.245.525.870									50.000.000			50.000.000								

* Ghi chú: đối với công trình Đường DA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và công trình Đường DA.03 (Đường Dầu Giồng), ấp Thanh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, Ủy ban nhân dân các xã (Hòa Lợi, Mỹ Hưng) phân bổ nguồn vốn ngân sách xã và nhân dân đóng góp để đối ứng thanh toán đầu tư xây dựng công trình (không làm chủ đầu tư công trình).

UBND TỈNH VĨNH LONG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3204 /STC-QLNS

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 4 năm 2026

V/v thực hiện báo cáo quyết toán
ngân sách nhà nước năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường
(khu vực Trà Vinh (cũ); khu vực Bến Tre (cũ))

Ngày 04/02/2026, Sở Tài chính có Công văn số 1077/STC-NS về việc hướng dẫn công tác kế toán và quyết toán năm 2025.

Căn cứ khoản 3 Điều 66 Luật Ngân sách nhà nước quy định xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm, như sau:

“3. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chính lý quyết toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau bao gồm:

*a) Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, **trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi; ...”***

Căn cứ khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2025/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính, quy định:

“2. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Ngân sách nhà nước. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, phải hoàn trả cho ngân sách cấp trên. Thời hạn hoàn trả chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày đơn vị sử dụng ngân sách hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định số vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết.”

Qua kiểm tra, rà soát báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã của các xã, phường, Sở Tài chính nhận thấy: số dự toán chi bổ sung từ ngân sách tỉnh năm 2025 đã hết nhiệm vụ chi, cụ thể như: kinh phí khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, kinh phí mua sắm thiết bị (router); kinh phí hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND; kinh phí bổ sung khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp; Tuy nhiên, các xã, phường

thực hiện chuyển nguồn sang năm 2026 hoặc đưa vào kết dư ngân sách năm 2025 là chưa phù hợp với quy định nêu trên.

Do đó, Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương thực hiện nộp trả ngân sách tỉnh đối với các dự toán được bổ sung từ ngân sách tỉnh năm 2025 đã hết nhiệm chi theo quy định, cụ thể:

- Số bổ sung từ ngân sách tỉnh năm 2025: Thực hiện nộp giảm chi từ ngân sách tỉnh, giảm thu ngân sách địa phương niên độ ngân sách năm 2025.

- Số chuyển nguồn từ năm 2024 (và các năm trước) sang năm 2025 hết nhiệm vụ chi: Thực hiện hạch toán chi nộp trả ngân sách cấp trên niên độ ngân sách năm 2025.

Thời gian thực hiện: chậm nhất đến hết ngày **20/4/2026**.

Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với KBNN Khu vực XIX - Phòng giao dịch từ số 17 đến số 27 khẩn trương phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGD 17, 18, 19, 20, 21, 22 - KBNN KV XIX;
- PGD 23, 24, 25, 26, 27- KBNN KV XIX;
- Ban Giám đốc STC;
- Lưu: VT, QLNS.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tiêu Thanh Tân